

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09A/2025/DS-ST

Ngày: 30-6-2025

V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hồng**.

Ông **Tán Nghị**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Quỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồng Thị T**, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Vũ Đức T1**, sinh năm: 1983 và bà **Trần Thị Triều N**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồng Thị Trinh P trình bày:** Năm 2019, tôi có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N quyền sử dụng đất tại thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng với giá 3.700.000.000 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm triệu đồng*). Tại thời điểm chuyển nhượng, ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N có giao trước số tiền 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*) và còn nợ lại tôi số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) hẹn qua năm sau sẽ thanh toán. Thỏa thuận này được lập thành giấy mượn tiền ghi ngày 07/12/2019. Từ năm 2020 đến nay, tôi đã nhiều lần yêu cầu ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N thanh toán số tiền nêu trên nhưng ông T1, bà N mới chỉ trả số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), còn nợ lại số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Do đó, tôi đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N tiếp tục thanh toán số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

- Buộc ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N phải thanh toán số tiền lãi tạm tính từ ngày 08/12/2020 đến ngày 08/10/2024 (03 năm 10 tháng) với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền 172.500.000 đồng (*Một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồng Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị HĐXX xem xét buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ 08/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09/4/2025 (4 năm, 04 tháng 01 ngày) tương ứng với số tiền 195.125.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

*** *Quá trình tố tụng Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N nhưng bị đơn không đến làm việc với Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.***

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng những quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vi phạm các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 468 Bộ luật Dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị T. Buộc bị đơn ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N phải thanh toán cho bà Hồng Thị T số tiền 645.125.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 450.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 08/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền 195.125.000 đồng. Bị đơn ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đối với vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Giấy nợ tiền ghi ngày 07/12/2019, bị đơn có địa chỉ thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị T thì thấy: Theo nội dung Giấy nợ tiền ghi ngày 07/12/2019 thể hiện ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N cam kết có mua của bà Hồng Thị T thửa đất với giá 3.700.000.000 đồng và đưa trước cho bà T số

tiền 3.000.000.000 đồng còn nợ lại 700.000.000 đồng hẹn qua năm sau sẽ thanh toán. Quá trình thực hiện thỏa thuận, ông T1, bà N đã trả cho bà T số tiền 90.000.000 đồng được các bên xác nhận vào mặt sau của Giấy nợ tiền ghi ngày 07/12/2019. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận ngoài số tiền 90.000.000 đồng, ông T1, bà N còn tiếp tục thanh toán thêm số tiền 160.000.000 đồng, số nợ còn lại là 450.000.000 đồng. Bà T đã nhiều lần liên hệ ông T1, bà N tiếp tục thanh toán như bị đơn không hợp tác. Do đó nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc còn lại và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 08/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. HĐXX thấy rằng: Giấy nợ tiền ghi ngày 07/12/2019 được lập thành văn bản có chữ ký ông T1, bà N đủ các điều kiện là giao dịch dân sự và ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, khi các bên xác lập về giao dịch về chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông T1, bà N xác nhận còn nợ bà T số tiền 700.000.000 đồng và cam kết về thời gian thanh toán là qua năm sau (tức năm 2020). Đồng thời, thực hiện thỏa thuận nêu trên, ông T1 và bà N đã thanh toán số tiền 90.000.000 đồng được các bên xác nhận vào mặt sau của giấy nợ tiền. Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận ngoài số tiền đã thanh toán thì bị đơn đã thanh toán thêm số tiền 160.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 450.000.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng ông T1, bà N không đến làm việc và không có ý kiến gì về số tiền gốc còn lại. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc 450.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 274, 275 và Điều 280 Bộ luật dân sự được HĐXX chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả lãi: Giấy nợ tiền giữa bà T với ông T1, bà N được xác lập vào ngày 07/12/2019, thời hạn trả tiền được thỏa thuận là qua năm sau. Căn cứ vào Điều 144, 145, 146 và Điều 147 Bộ luật dân sự thì thời hạn mà ông T1 và bà N có nghĩa vụ thanh toán được xác định vào năm 2020. Do, bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên căn cứ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự thì ông T1, bà N phải chịu nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét buộc bị đơn phải chịu lãi suất 10%/năm tính từ ngày 08/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tương ứng với số tiền gốc 450.000.000 đồng là 195.125.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị T. Buộc bị đơn ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 645.125.000 đồng (Trong đó: số tiền gốc là 450.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 08/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền 195.125.000 đồng).

[2.2] Về án phí DSST: Bị đơn ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N phải chịu án phí DSST là: 20.000.000 đồng + 245.125.000 đồng x 4% = 29.805.000 đồng.

[2.3] Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 144, 145, 146, 147, 274, 275, 280, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ câu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị T.

1.1. Buộc bị đơn ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N phải thanh toán cho bà Hồng Thị T số tiền 645.125.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó: số tiền gốc là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) và số tiền lãi phát sinh từ ngày 08/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/4/2025 là 195.125.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

1.2. Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hồng Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền ông Vũ Đức T1 và Bà Trần Thị Triều N phải thanh toán, nếu ông Vũ Đức T1 và Bà Trần Thị Triều N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 BLDS.

2. Về án phí DSST: Buộc ông Vũ Đức T1 và bà Trần Thị Triều N phải chịu án phí DSST là 29.805.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, tám trăm lẻ năm nghìn đồng*).

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu HSVA.

Phạm Phú Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng mua bán đối với các xe ô tô nêu trên là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

***- Về yêu cầu hủy thủ tục cấp
Chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng
tên chủ sở hữu Công ty Thanh
Quang:***

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu HSVA.

Phạm Phú Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

